CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Cơ điện lạnh

Ngày 30/09/2025	65,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0.9%	**-2.1%**	**5.3%**

DT thuần
Q3/25
2,552
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 38.0| 1.5%
YoY: ▲ 523| 25.8%

LN thuần
Q3/25
937
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 109| 13.1%
YoY: ▲ 304| 48.0%

LN sau thuế
Q3/25
825
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 86.0| 11.6%
YoY: ▲ 263| 46.8%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
43.3%
YoY: +/-▲ 3.4%

ROE (TTM)
Q3/25
11.3%
YoY: +/-▲ 0.6%

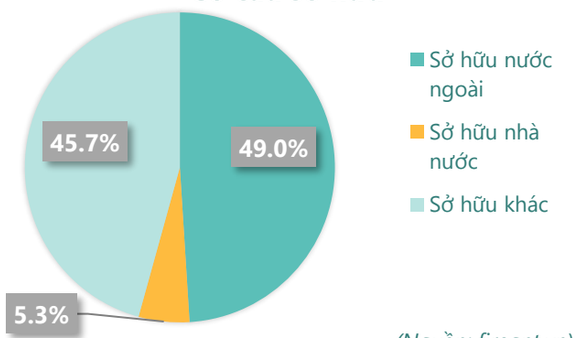
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	53,043 - 69,700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	35,479
Số lượng CPLH (CP)	541,658,139
KLGD BQ 20 phiên (CP)	927,135
Sở hữu nước ngoài	49.0%
Beta	0.75
EPS	4,778
P/E	13.7

DT thuần
9T 2025
7,134
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1,086| 18.0%

LN thuần
9T 2025
2,662
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 964| 56.7%

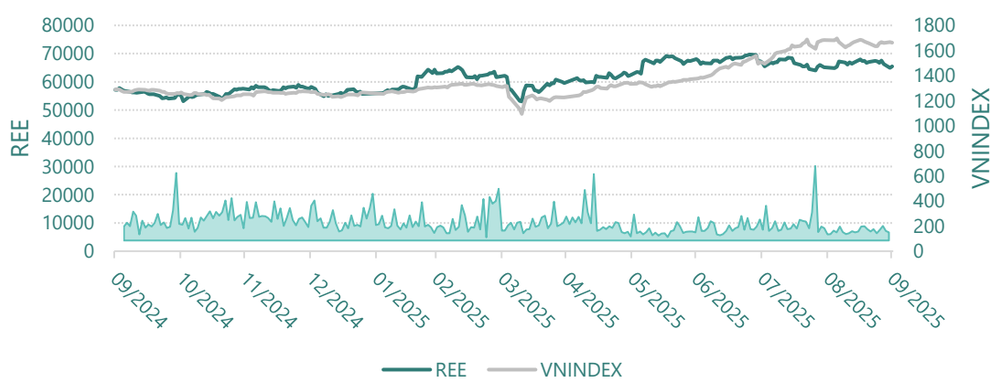
LN sau thuế
9T 2025
2,380
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 867| 57.3%

Cơ cấu sở hữu

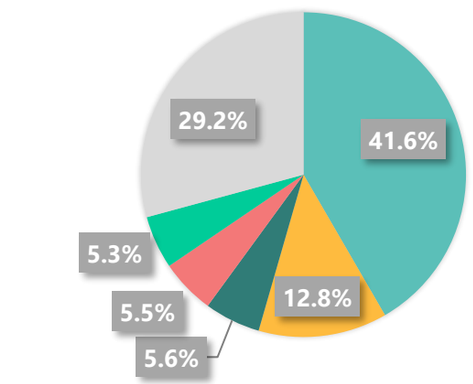


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

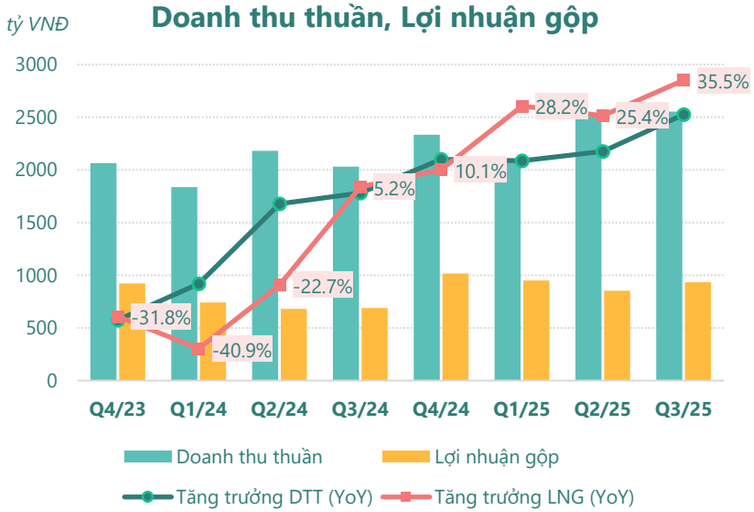


- Platinum Victory PTE.Ltd
- Nguyễn Thị Mai Thanh (Chủ tịch HĐQT)
- Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND
- Nguyễn Ngọc Hải
- Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

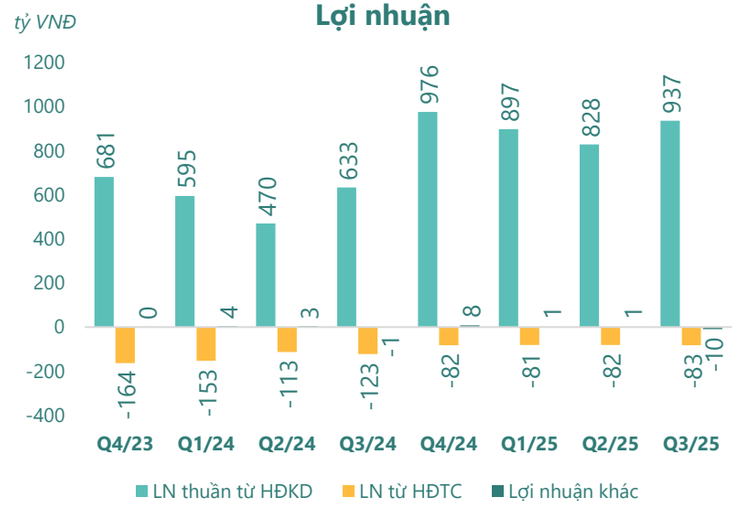
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



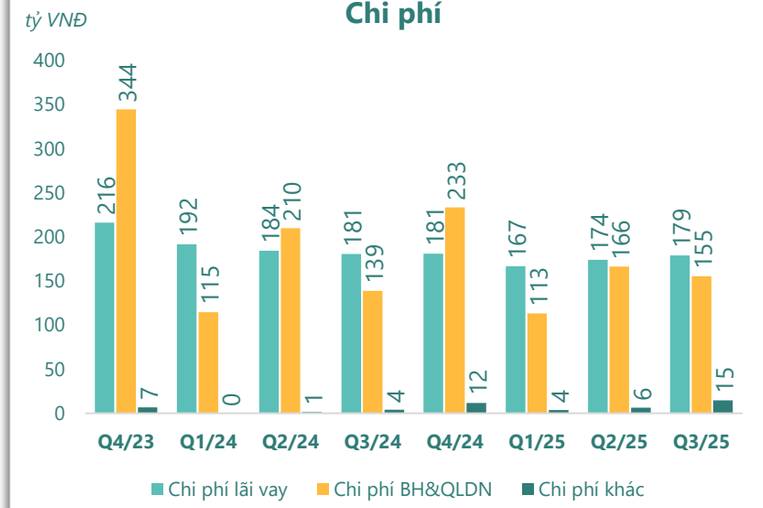
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



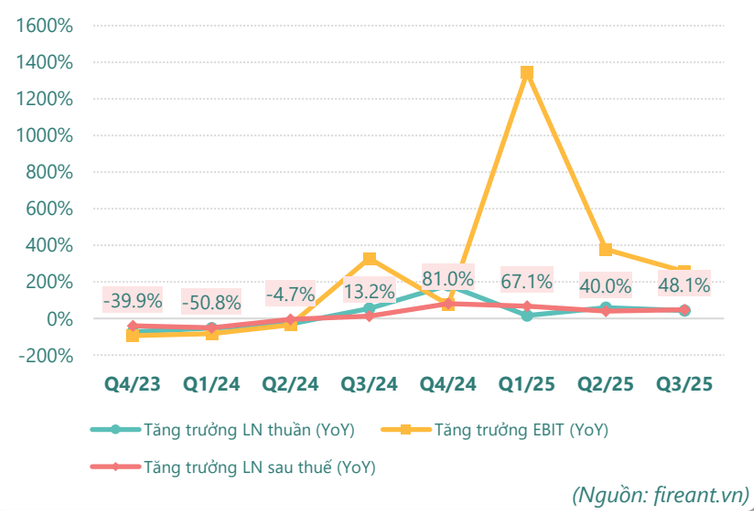
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



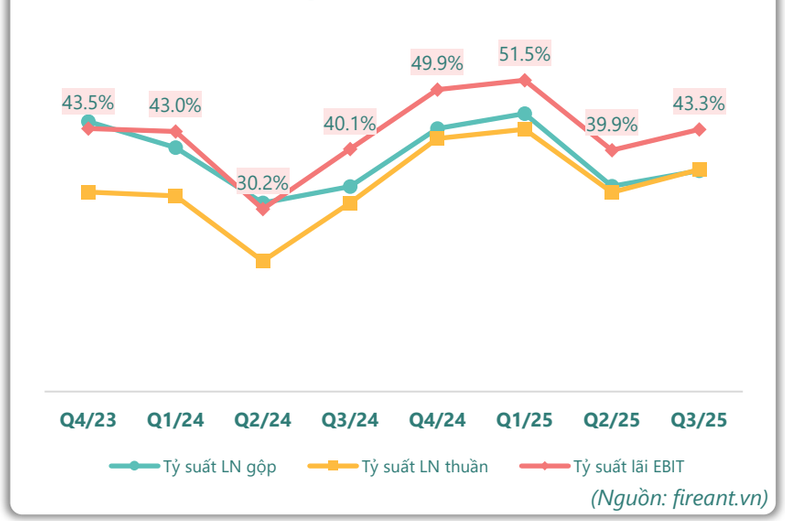
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



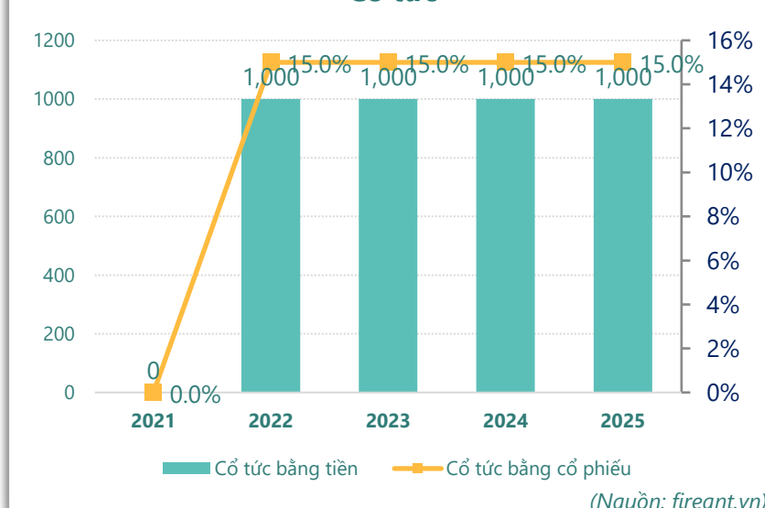
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

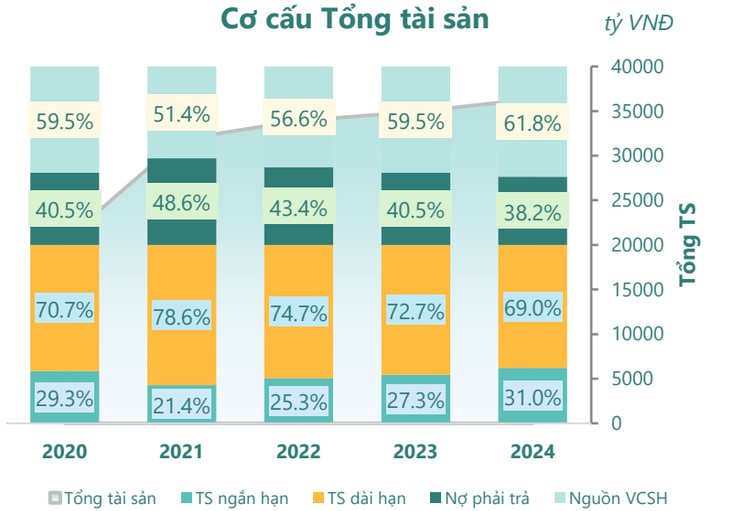
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

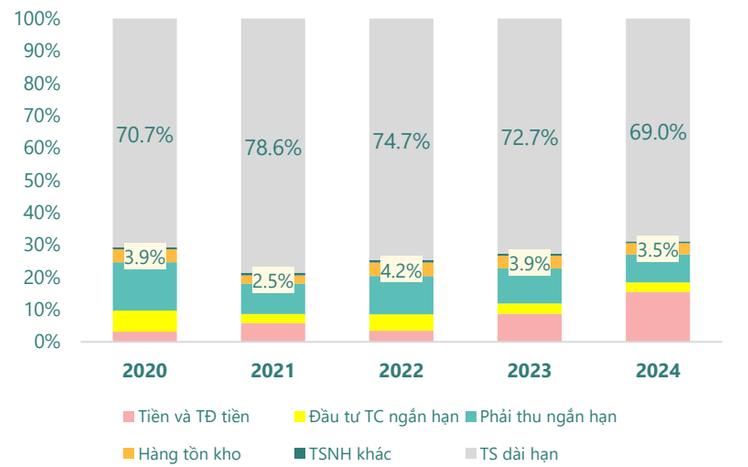
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



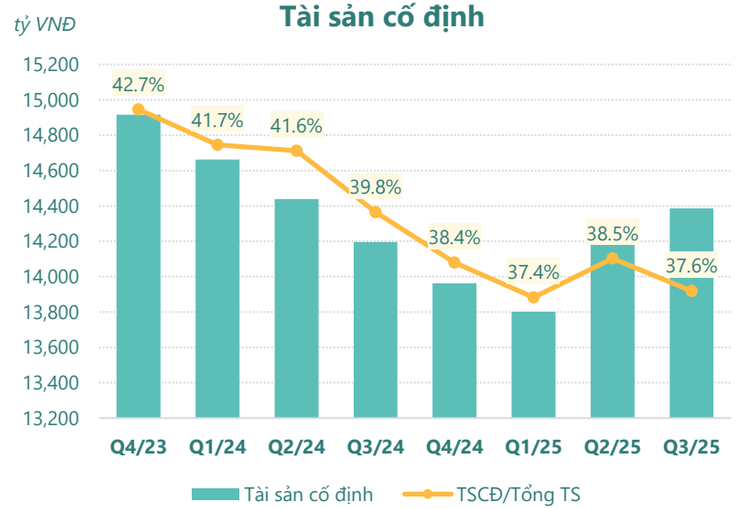
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



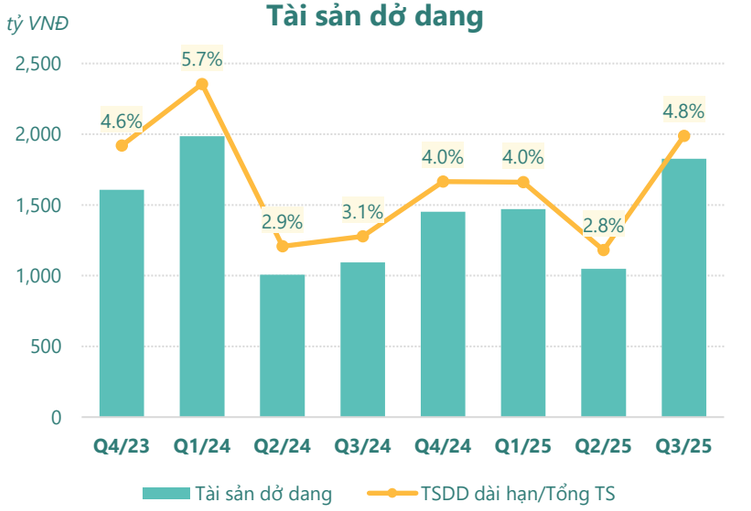
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



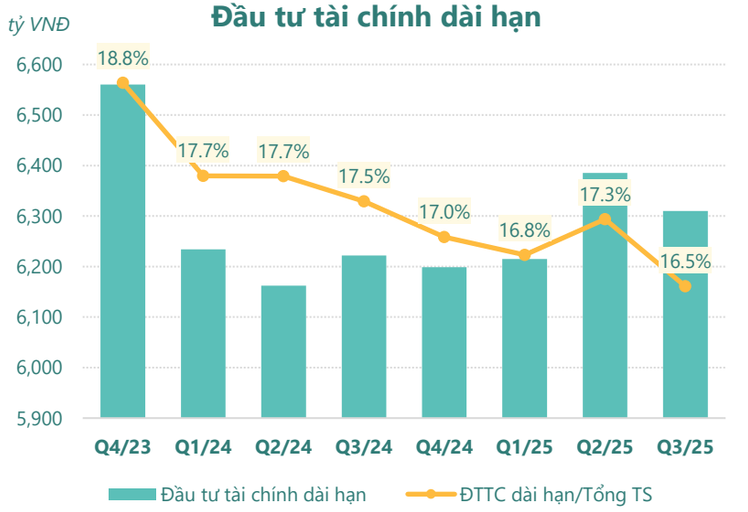
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



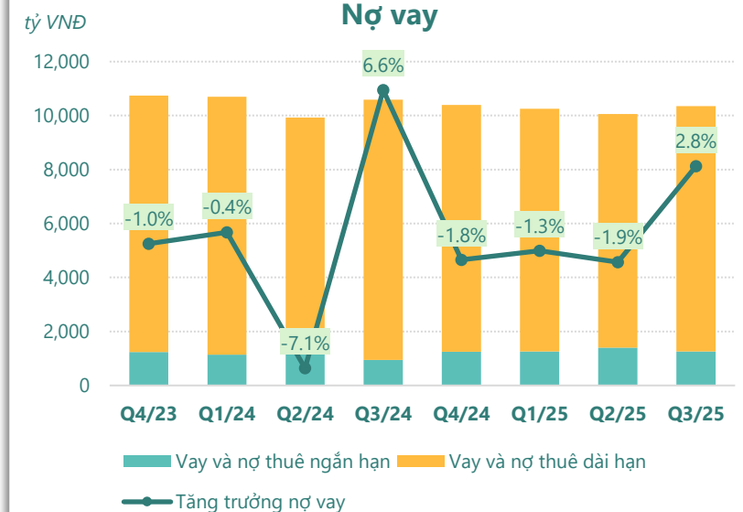
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

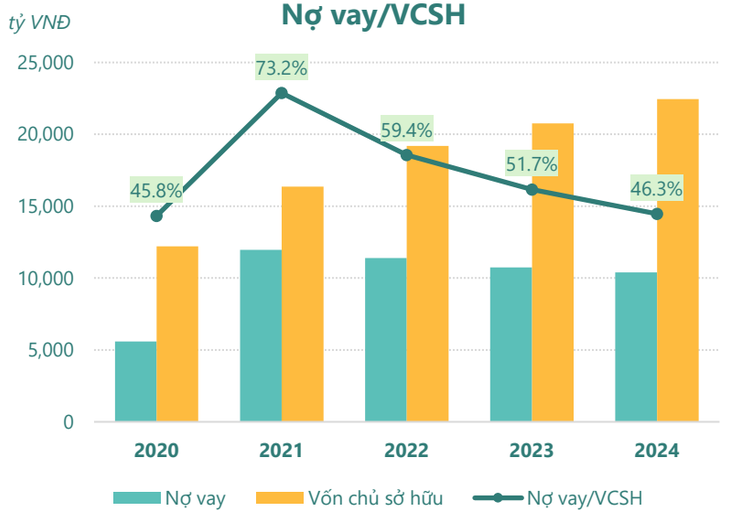
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

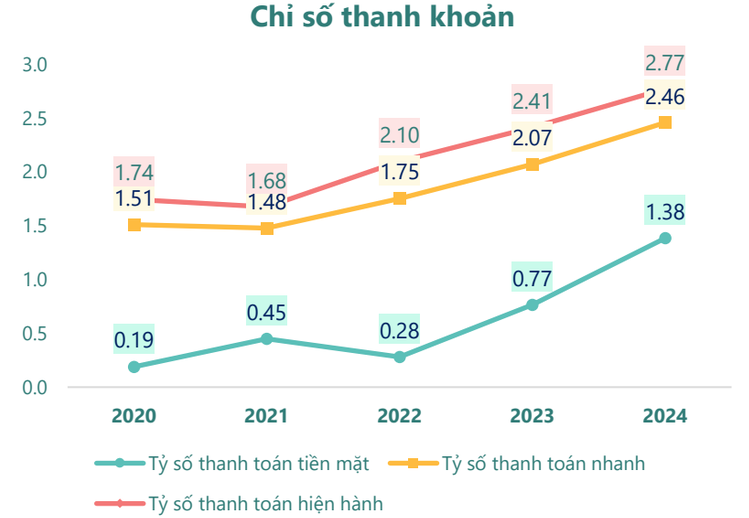
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



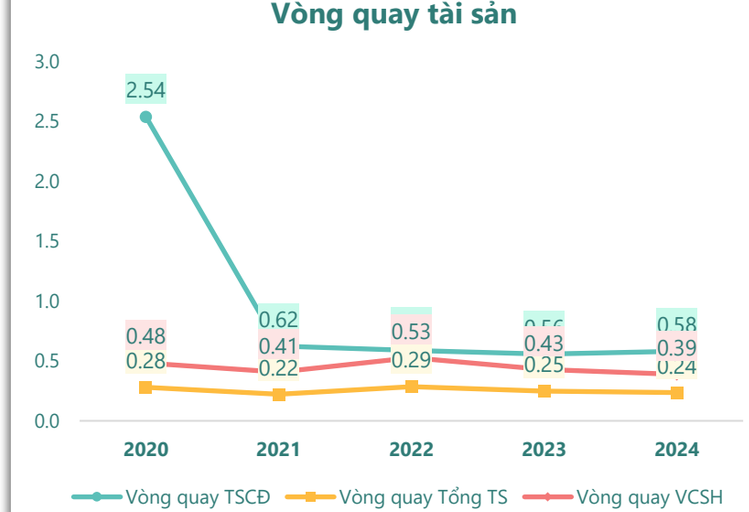
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



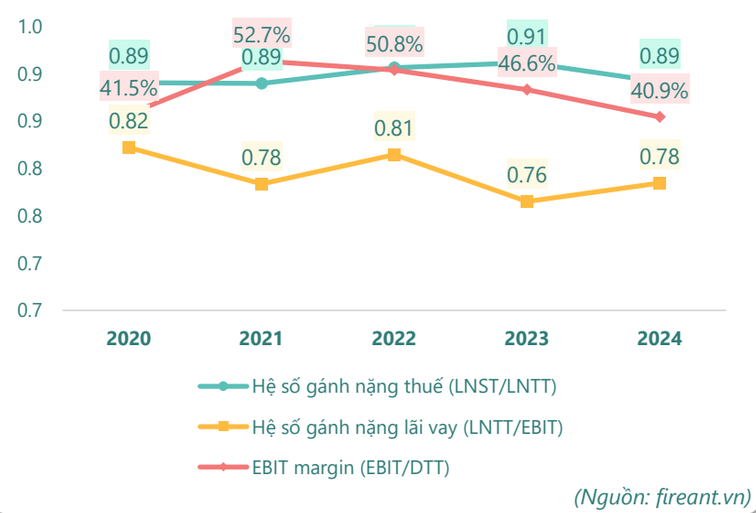
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



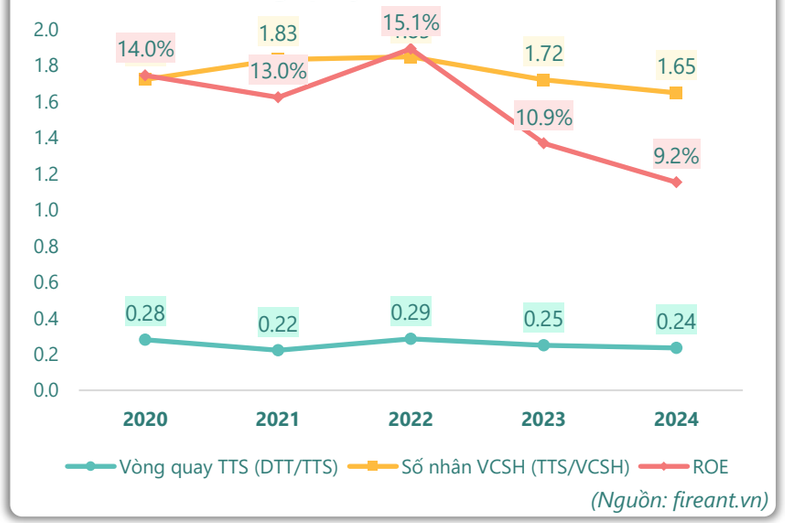
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



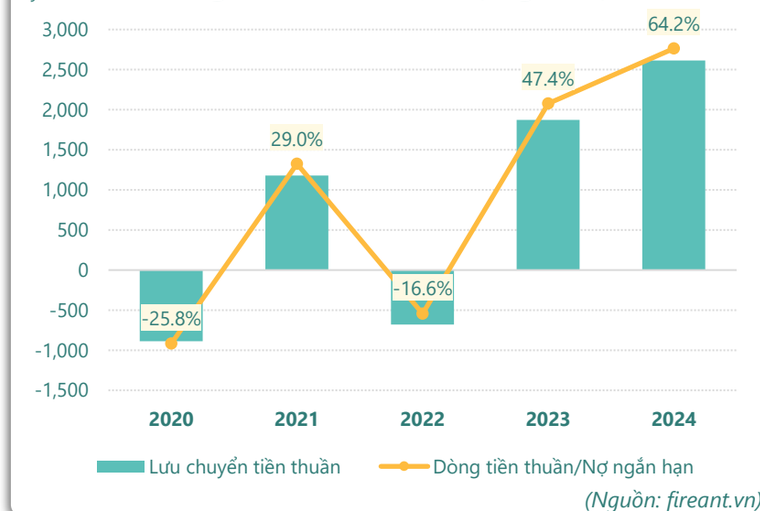
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**2,552**	**2,029**	**25.8%**	**7,134**	**6,048**	**18.0%**
Giá vốn hàng bán	1,620	1,342	20.7%	4,398	3,939	11.7%
Lợi nhuận gộp	932	688	35.5%	2,736	2,109	29.7%
Doanh thu HĐTC	102	62.6	62.6%	331	221	49.5%
Chi phí TC	184	185	-0.3%	576	610	-5.6%
Chi phí lãi vay	179	181	-1.1%	520	557	-6.7%
LN trong công ty LKLD	**243**	**207**	**17.2%**	**606**	**441**	**37.3%**
Chi phí bán hàng	30.2	29.1	3.6%	81.5	82.2	-0.9%
Chi phí QLDN	**125**	**110**	**13.8%**	**353**	**381**	**-7.3%**
LN thuần từ HĐKD	937	633	48.0%	2,662	1,698	56.7%
Lợi nhuận khác	**-9.59**	**-0.55**	**-1644%**	**-7.31**	**6.84**	**-207%**
LN trước thuế	927	633	46.4%	2,654	1,705	55.7%
Lợi nhuận sau thuế	**825**	**562**	**46.8%**	**2,380**	**1,513**	**57.3%**
LNST của CĐ cty mẹ	**674**	**480**	**40.5%**	**1,909**	**1,314**	**45.2%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1,305	845	993	308	729	598
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	348	169	-113	-352	-580	-1,887
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-1,296	379	-314	-180	-780	-134
Tiền đầu kỳ	3,320	3,676	5,069	5,636	5,411	4,780
Lưu chuyển tiền thuần	**356**	**1,393**	**567**	**-224**	**-632**	**-1,424**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.24	0.26	0.00	0.00	0.01	-0.01
Tiền cuối kỳ	3,676	5,069	5,636	5,411	4,780	3,356

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**38,266**	**36,362**	**5.2%**
Tài sản ngắn hạn	12,359	11,286	9.5%
Tiền và tương đương tiền	3,356	5,636	-40.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3,651	1,060	244%
Phải thu ngắn hạn	3,801	3,130	21.5%
Hàng tồn kho	1,291	1,277	1.1%
Tài sản ngắn hạn khác	260	183	42.0%
Tài sản dài hạn	**25,907**	**25,077**	**3.3%**
Phải thu dài hạn	106	36.4	190%
Tài sản cố định	14,386	13,961	3.0%
Bất động sản đầu tư	2,406	2,542	-5.3%
Tài sản dở dang	1,826	1,453	25.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	6,310	6,199	1.8%
Tài sản dài hạn khác	**444**	**443**	**0.2%**
Lợi thế thương mại	428	443	-3.3%
Nợ phải trả	14,101	13,908	1.4%
Nợ ngắn hạn	**4,277**	**4,070**	**5.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,265	1,254	0.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	845	724	16.6%
Nợ dài hạn	9,824	9,838	-0.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	9,081	9,143	-0.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**24,165**	**22,455**	**7.6%**
Vốn chủ sở hữu	**24,165**	**22,455**	**7.6%**
Vốn điều lệ	5,417	4,710	15.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)